TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2025
V/v: tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Lệ Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà ***Trần Thị Thanh Vân***

2. Bà ***Dương Tú Anh***

- Thư ký phiên tòa: Ông ***Bùi Đắc Toàn*** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Yến*** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1106/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Hạnh T - sinh năm 1977; Căn cước công dân số: 001177xxxxxx, cấp ngày 10/7/2021; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: 28 ngách 100/27 (số cũ: 44 ngõ 2) ngõ C, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T - sinh năm 1975; Số định danh cá nhân: 027075xxxxxx; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: 28 ngách 100/27 (số cũ: 44 ngõ 2) ngõ C, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2024 và các văn bản trình bày tại Tòa, nguyên đơn - chị Phan Hạnh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2003 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Sau kết hôn đến nay, anh chị chung sống tại 28 ngách 100/27 ngõ C, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Anh, chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng, trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu say và đánh đập vợ, không chăm sóc con cái, chửi bới chị, chửi bới bố mẹ chị và đánh đập các con kể cả khi con còn bé. Bản thân chị thấy mệt mỏi, mất ngủ và trầm cảm. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không nói chuyện, không ăn chung.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Đức P (nam), sinh ngày 31/3/2004 và Nguyễn Thị Đức M (nữ), sinh ngày 16/5/2007. Các con chung của anh chị đã thành niên và phát triển khoẻ mạnh.

- Tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T trình bày chị và anh T không có khoản nợ nào chung (không vay nợ ai và không cho ai vay nợ) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Đối với bị đơn - anh Nguyễn Đức T: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt, không đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2025, người làm chứng Nguyễn Đức P (con trai của chị T, anh T) trình bày: Anh đã chứng kiến bố mẹ anh xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhiều năm qua. Bố anh đã nhiều lần say rượu đánh đập mẹ con anh. Trong quá khứ, bố anh đã nhiều lần ngoại tình và đánh đập, tra tấn mẹ anh. Từ bé, anh đã không có được sự yêu thương từ bố. Mẹ anh phải đi làm và nuôi hai con một mình. Bố mẹ anh đã sống ly thân nhiều năm và anh đề nghị Tòa án giải quyết cho mẹ anh được ly hôn.

Tại đơn đề nghị ngày 17/4/2025, người làm chứng Nguyễn Thị Đức M (con gái của anh T, chị T) trình bày: Chị thấy bố mẹ chị mâu thuẫn đã hơn mười năm nay. Khoảng 05 năm gần đây, bố mẹ chị không sinh hoạt cùng nhau. Hàng ngày, bố chị ăn uống một mình, ba mẹ con chị ăn với nhau. Chị thấy bố mẹ đã không ngủ cùng nhau hơn 10 năm nay. Hàng ngày, bố chị hay uống rượu và đánh đập, chửi bới mẹ con chị. Bố chị sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Gia đình nội, ngoại của chị đều biết việc mâu thuẫn của bố mẹ chị và có hòa giải, khuyên bảo cho bố mẹ chị nhưng không có kết quả. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ chị được ly hôn.

Tại phiên tòa:

Chị Phan Hạnh T giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày.

Anh Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Hạnh T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Đức T. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Hạnh T đối với anh Nguyễn Đức T. Con chung: Xác nhận chị T và anh T có 02 con chung là: Nguyễn Đức P (nam), sinh ngày 31/3/2004 và Nguyễn Thị Đức M (nữ), sinh ngày 16/5/2007; các con chung đã thành niên và khỏe mạnh. Tài sản chung: chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Đức T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Chị Phan Hạnh T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Đức T tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T; anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Hạnh T và anh Nguyễn Đức T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của đương sự xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng của chị T và anh T có phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân. Lời khai của chị

T về việc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng là phù hợp với lời khai của người làm chứng là các con của anh, chị.

Điều 19 Luật Hôn nhân nhân và gia đình quy định: "vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn T, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…". Anh chị sống ly thân, không quan tâm, không chăm sóc, không có sự yêu thương, cảm thông dành cho nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Toà để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự và tham gia hoà giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt. Toà án cũng tạo điều kiện về thời gian để anh chị chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng song từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh chị vẫn sống ly thân, không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, với điều kiện, hoàn cảnh như hiện nay thì anh chị không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Hạnh T. Anh Nguyễn Đức T không đến Toà thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không đưa ra ý kiến, quan điểm, không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng nên không có căn cứ để xem xét.

Con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị T và anh T có 02 con chung là: Nguyễn Đức P (nam), sinh ngày 31/3/2004 và Nguyễn Thị Đức M (nữ), sinh ngày 16/5/2007. Các con chung của anh chị đã thành niên và khoẻ mạnh.

Tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: Chị T xác nhận quá trình chung sống anh chị không có khoản vay nợ nào chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Hạnh T.

Chị Phan Hạnh T được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Con chung: Xác nhận chị Phan Hạnh T và anh Nguyễn Đức T có 02 con chung là Nguyễn Đức P (nam), sinh ngày 31/3/2004 và Nguyễn Thị Đức M (nữ), sinh ngày 16/5/2007. Các con chung của anh chị đều đã thành niên.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Phan Hạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phan Hạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Án phí: Chị Phan Hạnh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2447984 ngày 13/12/2024 ký bởi Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam. Chị Phan Hạnh T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Phan Hạnh T, vắng mặt anh Nguyễn Đức T. Chị Phan Hạnh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Cơ quan Thi hành án quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
	Vũ Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**